TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-12-2023.
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Hà Thị Dung.

-***Thưký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Thúy – Thư kýTòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Ma Thị H1, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H1 được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào năm 2009 và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ở xóm Đ, xã Y, P. Thời gian đầu có hạnh phúc nhưng do kinh tế khó khăn nên đến năm 2016 thì anh vào trong nam để làm việc, đến năm 2018 thì chị H1 có báo với anh chị H1 sang Đài Loan làm việc, chị H1 đi từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Từ khi đi Đài Loan chị H1 cắt đứt mọi liên hệ với anh. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của chị H1 anh xác định chị H1 không cho anh biết và cả gia đình chị H1 đều không biết nên anh không có địa chỉ cụ thể của chị H1 ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Nguyễn Thị Tường Kh, sinh năm 1964; địa chỉ: Tiểu khu Tr, thị trấn Đ1, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là mẹ đẻ của chị Ma Thị H1 xác định: Sau khi nhận các văn bản của Toà án gia đình có thông tin cho chị H1 biết về việc anh H xin ly hôn với chị. Tại buổi làm việc ngày 22/11/2023 gia đình chị H1 cho biết chị H1 có liên hệ về cho gia đình thể hiện quan điểm như sau: Về quan hệ hôn nhân: Xác định vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn chị nhất trí. Về con chung xác định vợ chồng chưa có con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị không đề nghị giải quyết.

Hiện chị H1 đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, cho anh H được ly hôn với chị H1. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không giải quyết. Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 11803/PA08 (Đ1) ngày 11/9/2023 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định chị Ma Thị H1 đã xuất cảnh ngày 06/8/2018 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị H1 ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị H1 là bà Nguyễn Thị Tường Kh (mẹ đẻ của H1) có đủ căn cứ xác định chị H1 vẫn liên hệ với bà nhưng bà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn chị H1 và chị H1 không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Toà án. Toà án đã yêu cầu nhưng anh H, bà Kh không cung cấp địa chỉ của chị H1 ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Ma Thị H1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh H và chị H1 đều xác định: Do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân. Chị H1 đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, hai vợ chồng khoảng cách địa lý ở xa nhau, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh H và chị

H1 đều xác định không còn tình cảm vợ chồng. Chị H1 nhất trí ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử thấy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, cho anh H được ly hôn với chị H1 là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh H và chị H1 đều xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết. Phía chị H1 cũng xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 37 khoản 2 Điều 38; 39; Điều 147;Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H với chị Ma Thị H1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Ma Thị H1.

2. Về con chung: Anh H và chị H1 đều xác định không có con chung.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000004 ngày 06/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Chị H1 được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- UBND xã Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hồng Phương